

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/HNGĐ-ST
Ngày: 12-03-2018
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Giàu.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Công Quyền.**
2. Bà **Lê Ngọc Trầm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 610/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1960.

Trú tại: Ấp Bến cầu, xã Biên Giới, huyện C, tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1966.

Trú tại: Số 2/1B, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới. Ông bà chung sống đến năm 1989 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên xảy ra bất hòa, bà L bỏ nhà đi từ năm 1999. Đến

năm 2004 bà L trở về nhà sống chung với ông T, vợ chồng sống đến năm 2013 thì bà L bỏ đi tiếp. Bà L có về nhà thăm các con nhưng vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông T và bà L sống chung có 03 con chung tên Phan Thanh Lãm, sinh năm 1985; Phan Thanh Tường, sinh năm 1986 và Phan Thị Thanh Xuân, sinh năm 1988. Các con đã T thành và có gia đình riêng nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại vợ chồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà L, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Ông T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân thực tế. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên xảy ra bất hòa và cuộc sống chung không hạnh phúc, ông T và bà L đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Do đó căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà L.

Về con chung: Ông T và bà L sống chung có 03 con chung tên Phan Thanh Lãm, sinh năm 1985, Phan Thanh Tường, sinh năm 1986 và Phan Thị Thanh Xuân, sinh năm 1988. Các con đã T thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, ông T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số 2/1B, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, huyện H, tỉnh T, hiện nay bà L đã thay đổi nơi cư trú nhưng thỉnh

thoảng cũng có về địa phương, đây là trường hợp cổ tình giấu địa chỉ, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà L theo thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án. Bà L là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Ông T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm sống không hợp nhau về tính tình, thường xuyên xảy ra bất hòa nên cuộc sống chung không hạnh phúc, bà L đã bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được ông T yêu cầu ly hôn đối với bà L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông T và bà L sống chung có 03 con chung tên Phan Thanh Lãm, sinh năm 1985, Phan Thanh Tường, sinh năm 1986 và Phan Thị Thanh Xuân, sinh năm 1988. Các con đã T thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng).

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Thanh T đối với bà Nguyễn Thị L. Ông T và bà L không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Thanh Lãm, sinh năm 1985, Phan Thanh Tường, sinh năm 1986 và Phan Thị Thanh Xuân, sinh năm 1988. Các con đã T thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phan Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004523 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Ông T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho ông T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Giàu

